

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN SIC**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN SIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107939201

**3. Ngày thành lập:** 27/07/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 177 , phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02462583535

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                           | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                           | 5222     |
| 2.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                 | 4662     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                             | 4663     |
| 4.  | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                           | 4742     |
| 5.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh         | 4753     |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                              | 4311     |
| 7.  | Giáo dục tiểu học                                                                                   | 8520     |
| 8.  | Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông                                                     | 8531     |
| 9.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đánh giá dự án đầu tư | 6619     |
| 10. | Xây dựng nhà các loại                                                                               | 4100     |
| 11. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                      | 2022     |
| 12. | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                     | 0128     |
| 13. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                      | 1610     |
| 14. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                   | 1621     |
| 15. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                             | 5012     |
| 16. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                | 5221     |
| 17. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                 | 4390     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự              | 4649        |
| 19. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                         | 4659        |
| 20. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                        | 8541        |
| 21. | Đào tạo đại học và sau đại học                                                                                                                                          | 8542        |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                          | 7410        |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                              | 4290        |
| 24. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                             | 5210        |
| 25. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng                                                                    | 7730        |
| 26. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                        | 5610        |
| 27. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 29. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                              | 6810(Chính) |
| 30. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Môi giới bất động sản<br>Tư vấn bất động sản<br>Quản lý bất động sản                     | 6820        |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 32. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                       | 4312        |
| 33. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                   | 2824        |
| 34. | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                              | 2391        |
| 35. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                   | 2392        |
| 36. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                      | 2394        |
| 37. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                | 2395        |
| 38. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                         | 0810        |
| 39. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                 | 1622        |
| 40. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                     | 5022        |
| 41. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                        | 5224        |
| 42. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                              | 4669        |
| 43. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                            | 4220        |
| 44. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                     | 4651        |

|     |                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 45. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                             | 4652 |
| 46. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                     | 4912 |
| 47. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                 | 4933 |
| 48. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại | 8299 |
| 49. | Giáo dục mầm non                                                                                                               | 8510 |
| 50. | Giáo dục nghề nghiệp<br>Chi tiết: Giáo dục trung cấp chuyên nghiệp<br>Dạy nghề                                                 | 8532 |
| 51. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                      | 4210 |
| 52. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy Sản xuất vật liệu xây dựng                                             | 2829 |

**6. Vốn điều lệ:** 239.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                             | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức               | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ VĂN PHÚ - TRUNG KÍNH | Tổ 51 phố Trung Kính, Phường Yên Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 9.321.000  | 93.210.000.000        | 39,000    | 0105372622                                                                                  |         |
|     |                                                         |                                                                                                    | Tổng số           | 9.321.000  | 93.210.000.000        | 39,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                         |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THẾ VINH                                         | P402 tầng 4, đường 6, TT Nam Thành Công, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 1.673.000  | 16.730.000.000        | 7,000     | 013297390                                                                                   |         |
|     |                                                         |                                                                                                    | Tổng số           | 1.673.000  | 16.730.000.000        | 7,000     |                                                                                             |         |
|     |                                                         |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐẶNG THỊ NGÀ                                            | Khu tập thể xây dựng số 1, tổ dân phố 6, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 3.585.000  | 35.850.000.000        | 15,000    | 112237249                                                                                   |         |
|     |                                                         |                                                                                                    | Tổng số           | 3.585.000  | 35.850.000.000        | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                                                         |                                                                                                    |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

